

Tăng tỷ trọng

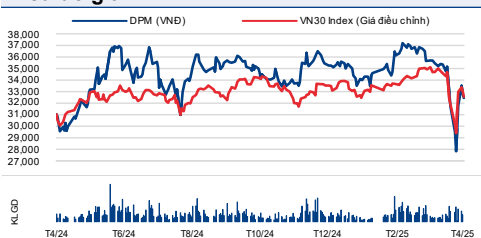
Giá mục tiêu: VNĐ35,900

Tiềm năng tăng/giảm: 10.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/4/2025)	32,450
Mã Bloomberg	DPM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	27,850-37,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	32,900
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	12,699
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	491
Slg CP lưu hành (tr.đv)	391
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	192
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	49.0%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	PVN (59.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	13,496	12,960	12,892
EBITDA đc (tỷ đồng)	756	1,325	1,394
LNTT (tỷ đồng)	669	1,166	1,184
LNT ĐC (tỷ đồng)	538	941	956
FCF (tỷ đồng)	862	313	1,291
EPS ĐC (đồng)	1,374	2,406	2,443
DPS (đồng)	1,500	2,000	2,000
BVPS (đồng)	28,569	28,867	29,204
T.trưởng EBITDA (%)	7.26	75.2	5.24
T.trưởng EPS ĐC (%)	3.52	75.1	1.56
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	33.3	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.60	10.2	10.8
Tỷ suất LNTT (%)	4.96	9.00	9.19
Tỷ suất LNT ĐC (%)	3.98	7.26	7.42
Tỷ lệ LN trả CT (%)	109	83.1	81.9
Nợ thuần/VCSH (%)	23.6	11.9	7.41
ROAE (%)	4.73	8.38	8.41
ROACE (%)	3.13	7.79	8.18
EV/doanh thu (lần)	0.43	0.51	0.47
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.71	4.95	4.34
P/E ĐC (lần)	23.6	13.5	13.3
P/B (lần)	1.14	1.12	1.11
Lợi suất cổ tức (%)	4.62	6.16	6.16

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhà sản xuất và phân phối phân bón hàng đầu Việt Nam, chiếm 40% thị phần thị trường urea.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

ĐHCD: Đang triển khai nhiều dự án phân bón & hóa chất dầu khí

- Cổ đông đã thông qua tất cả các tờ trình: Doanh thu năm 2025 đạt 12.876 tỷ đồng (giảm 5,7% so với cùng kỳ), LNTT đạt 410 tỷ đồng (giảm 42,2% so với cùng kỳ), cổ tức bằng tiền mặt năm 2024 ở mức 1.500đ/cp và cổ tức bằng tiền mặt năm 2025 ở mức 1.200đ/cp (sau khi phát hành cổ phiếu thường với tỷ lệ 73,7%).
- KQKD sơ bộ Q1/2025 cho thấy doanh thu tăng 11% so với cùng kỳ đạt 3.692 tỷ đồng và LNTT đạt 203 tỷ đồng (giảm 37% so với cùng kỳ), chủ yếu do chi phí hàng tồn kho từ năm 2024 chuyển sang và lỗ tỷ giá. Doanh thu Q1/2025 đa phần sát với dự báo nhưng LNTT thấp hơn 23% so với dự báo của HSC.
- DPM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,4 lần, thấp hơn 0,3 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 16,7 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với DPM.

Sự kiện: ĐHCD diễn ra ngày 17/4/2025

Cổ đông đã thông qua tất cả các tờ trình, bao gồm KHKD năm 2025, chính sách cổ tức năm 2024/2025, các kế hoạch đầu tư và chia sẻ quan điểm về tình hình thị trường. Những thông tin chính như sau:

KQKD sơ bộ Q1/2025

Doanh thu thuần đạt 3.692 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ trong khi LNTT đạt 203 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ. Doanh thu và LNTT hoàn thành lần lượt 29% và 49% KHKD năm 2025 của Công ty. LNTT giảm, trái ngược với đà tăng doanh thu, đa phần do chi phí hàng tồn kho cao từ năm 2024 chuyển sang và lỗ tỷ giá. Chúng tôi lưu ý rằng chi phí khí đầu vào được tính bằng USD, cũng như chi phí nhập khẩu các nguyên liệu như kali, DAP và SA.

Doanh thu thuần Q1/2025 đa phần sát với dự báo nhưng LNTT sơ bộ thấp hơn 23% so với dự báo của chúng tôi ở mức 64 tỷ đồng. Chúng tôi chờ nhận được BCTC Q1/2025 hoàn chỉnh để tiến hành phân tích sâu hơn nữa cấu trúc chi phí của DPM.

Xét theo sản phẩm chính, doanh thu urê sơ bộ Q1/2025 đạt 236.353 tấn, giảm nhẹ 4% so với cùng kỳ (nhưng cao hơn 5% so với kỳ vọng của chúng tôi). Sản lượng tiêu thụ NPK đạt 37.409 tấn, tăng 50% so với cùng kỳ nhưng vẫn thấp hơn 3% so với kỳ vọng. Sản lượng tiêu thụ NH3 đạt 11.719 tấn, giảm 23% so với cùng kỳ và thấp hơn 28% so với kỳ vọng của chúng tôi.

BLĐ cũng đã chia sẻ kế hoạch sẽ đạt mục tiêu LNTT cho cả năm ở mức 410 tỷ đồng trong vòng 6 tháng đầu năm 2025, cho thấy tiềm năng lợi nhuận cao hơn KHKD Công ty đề ra.

Đóng cửa nhà máy 45 ngày để bảo trì định kỳ

BPM vừa công bố kế hoạch bảo trì nhà máy vào Q4/2025. Công tác bảo trì được thực hiện hai năm một lần. Tuy nhiên, công tác bảo trì trong năm nay sẽ có quy mô lớn hơn mọi năm, nên Công ty đóng cửa nhà máy trong 45 ngày - tương đương với việc giảm 12% giờ sản xuất. Mặc dù vậy, mục tiêu doanh thu năm 2025 chỉ được điều chỉnh giảm nhẹ, giảm 5,7% so với cùng kỳ đạt 12.876 tỷ đồng. Mục tiêu sản lượng tiêu thụ bao gồm:

- Urê: 800.000 tấn (giảm 11% so với cùng kỳ)
- NPK: 175.000 tấn (tăng 18,9% so với cùng kỳ)

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/4.

(Xem tiếp trang 2)

- NH₃: 50.000 tấn (giảm 23,5% so với cùng kỳ)
- UFC85: 9 tấn (giảm 1,5% so với cùng kỳ)
- CO₂: 36 tấn (giảm 36,2% so với cùng kỳ)

Chúng tôi lưu ý rằng trong các giai đoạn bảo trì trước đây, sản lượng tiêu thụ của các sản phẩm chính không bị ảnh hưởng đáng kể, do Công ty chủ động tích trữ hàng tồn kho trước. Tuy nhiên, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu có xu hướng tăng cao.

Tiến độ triển khai các dự án

Các dự án hóa chất

Trong những năm tới, từ năm 2026 đến 2035, DPM đặt mục tiêu trở thành nhà sản xuất hóa chất và hóa dầu lớn, trong đó doanh thu và lợi nhuận từ hóa chất đóng góp đáng kể vào KQKD chung của Công ty. Công ty đặt mục tiêu phát triển năng lực lưu trữ, kinh doanh và sản xuất hóa chất, đồng thời đầu tư sản xuất các loại hóa chất có tiềm năng cao như hydro peroxit (H₂O₂) và AdBlue/DEF.

BLĐ kỳ vọng phân khúc hóa chất (nghĩa là UFC85, CO₂, v.v.) sẽ đóng góp 1.500 tỷ đồng vào tổng doanh thu năm 2025, bằng khoảng 12% tổng doanh thu.

Trong khi đó, dự án AdBlue dự kiến sẽ cho ra sản phẩm đầu tiên vào tháng 6/2025. Dự án H₂O₂ đang được triển khai đúng tiến độ và hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu EPC vào Q4/2025, với tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR) dự kiến là 18–19%.

DPM cho biết, do nhà máy urê đang vận hành hết công suất, nên Công ty cần tìm các động lực tăng trưởng mới từ phân khúc hóa chất để cải thiện lợi nhuận trong dài hạn.

Các dự án phân bón

DPM có kế hoạch tăng công suất sản xuất urê từ 2.500 tấn/ngày (114% công suất thiết kế) lên 2.580 hoặc 2.650 tấn/ngày (117–120% công suất thiết kế). Dự án sẽ sử dụng lượng NH₃ và CO₂ dư thừa (hiện đang tạo ra lợi nhuận thấp hơn) để sản xuất urê có giá trị cao hơn. Công tác nghiên cứu khả thi, đầu tư và đưa vào vận hành dự kiến hoàn tất trong năm 2028.

Bên cạnh các sản phẩm phân bón hiện có, Công ty còn đặt mục tiêu trở thành một trong những đơn vị sản xuất và phân phối phân bón hữu cơ hàng đầu trong những năm tới.

DPM đang làm việc với các nhà phân phối để nhập khẩu phân bón hữu cơ cao cấp từ Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước châu Âu (với hàm lượng hữu cơ từ 60% trở lên), để đóng gói lại với thương hiệu Phú Mỹ. Sáng kiến này là một phần trong nỗ lực lớn hơn nhằm xây dựng sự hiện diện cho các sản phẩm phân bón hữu cơ Phú Mỹ trên thị trường. Công ty đặt mục tiêu bán hàng khoảng 50.000 tấn phân bón hữu cơ mang thương hiệu Phú Mỹ mỗi năm trong giai đoạn 2025-2030.

Hiện tại, DPM đang bán phân bón hữu cơ Phú Mỹ có nguồn gốc từ Nhật Bản, hàm lượng hữu cơ tối thiểu là 60%. Doanh thu từ các sản phẩm hữu cơ dự kiến đạt khoảng 100 tỷ đồng trong năm 2025, đóng góp vào KQKD chung với tỷ suất lợi nhuận gộp ước tính từ 300 đến 500đ/kg.

Quan điểm về điều kiện thị trường

DPM tập trung vào thị trường trong nước, với tổng sản lượng tiêu thụ urê dao động từ 650.000 đến 700.000 tấn, và đặt mục tiêu giữ vững thị phần trong nước. Sản lượng xuất khẩu hàng năm vào khoảng 100.000–150.000 tấn và Công ty chỉ tăng sản lượng xuất khẩu khi có mức lợi nhuận cao hơn, như trong năm 2022.

Trong ngắn hạn, sức tiêu thụ phân bón trong nước đa phần không bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế của Mỹ, do kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt

Nam sang Mỹ chỉ chiếm một phần rất nhỏ (khoảng dưới 1%) tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất là hạt điều, nhưng đây không phải là phân khúc sản phẩm mục tiêu cho sản phẩm phân bón của DPM.

Đối với nhu cầu xuất khẩu, thị trường xuất khẩu chính của DPM bao gồm các thị trường khác ngoài Mỹ. Do đó, DPM không bị ảnh hưởng trực tiếp từ những bất ổn liên quan đến chính sách thuế của Mỹ. Hơn nữa, hoạt động xuất khẩu urê chủ yếu phục vụ các ứng dụng công nghiệp, chẳng hạn như phụ gia nhiên liệu giúp giảm phát thải và chất kết dính. Kết quả là, Công ty chưa nhận thấy bất kỳ tác động đáng kể nào đến nhu cầu xuất khẩu do chính sách thuế của ông Trump.

Tuy nhiên, DPM vẫn còn rủi ro liên quan đến tỷ giá, do chi phí nhập khẩu khí đầu vào và nhập khẩu nguyên liệu thô (ví dụ như kali, DAP và SA) được tính bằng USD. Theo ước tính của DPM, cứ mỗi 1% tăng của tỷ giá, chi phí tài chính sẽ tăng thêm khoảng 60 tỷ đồng.

Cổ tức bằng tiền mặt 1.500đ cho năm nay và 1.200đ cho năm sau

ĐHCFĐ đã thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, với cổ tức bằng tiền mặt 1.500đ cho năm nay (lợi suất cổ tức: 4,6%) và 1.200đ cho năm sau sau khi phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 73,7% (tương đương với mức cổ tức 2.000đ trước khi phát hành cổ phiếu thưởng, lợi suất cổ tức: 6,16%).

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, dự báo lợi nhuận và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua, DPM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,4 lần, thấp hơn 0,3 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 16,7 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	13,569	13,496	12,960	12,892	12,892
Lợi nhuận gộp	1,652	1,898	2,188	2,234	2,184
Chi phí BH&QL	(1,351)	(1,540)	(1,299)	(1,290)	(1,292)
Thu nhập khác	0.94	4.46	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	302	363	889	944	891
Lãi vay thuần	386	304	274	237	237
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	2.66	2.65	3.11	3.27	3.43
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	691	669	1,166	1,184	1,132
Chi phí thuế TNDN	(161)	(115)	(200)	(204)	(195)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(10.4)	(16.5)	(24.1)	(24.5)	(23.4)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	519	538	941	956	914
Lợi nhuận thuần ĐC	519	538	941	956	914
EBITDA ĐC	705	756	1,325	1,394	1,356
EPS (đồng)	1,327	1,374	2,406	2,443	2,335
EPS ĐC (đồng)	1,327	1,374	2,406	2,443	2,335
DPS (đồng)	2,000	1,500	2,000	2,000	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	391	391	391	391	391
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	391	391	391	391	391
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	391	391	391	391	391

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,242	1,005	199	725	692
Đầu tư ngắn hạn	5,385	9,464	7,571	7,571	7,571
Phải thu khách hàng	642	653	382	422	475
Hàng tồn kho	1,911	1,731	2,369	1,890	1,951
Các tài sản ngắn hạn khác	385	367	323	335	332
Tổng tài sản ngắn hạn	9,565	13,220	10,844	10,943	11,021
TSCĐ hữu hình	2,416	1,942	2,044	2,151	2,263
TSCĐ vô hình	834	859	857	793	728
Bất động sản đầu tư	190	181	171	161	152
Đầu tư dài hạn	3.60	3.60	20.5	20.5	20.5
Đầu tư vào Cty LD,LK	29.8	30.6	30.6	30.6	30.6
Tài sản dài hạn khác	271	317	280	279	287
Tổng tài sản dài hạn	3,744	3,333	3,403	3,435	3,481
Tổng cộng tài sản	13,309	16,552	14,247	14,378	14,502
Nợ ngắn hạn	0	3,422	1,422	1,422	1,422
Phải trả người bán	768	691	735	683	685
Nợ ngắn hạn khác	586	811	445	443	452
Tổng nợ ngắn hạn	1,484	5,199	2,782	2,754	2,788
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	133	133	133	133	133
Nợ dài hạn khác	44.8	41.2	35.9	62.8	63.8
Tổng nợ dài hạn	177	174	168	195	196
Tổng nợ phải trả	1,764	5,372	2,950	2,949	2,985
Vốn chủ sở hữu	11,545	11,180	11,297	11,429	11,517
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	11,545	11,180	11,297	11,429	11,517
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,309	16,552	14,247	14,378	14,502
BVPS (đ)	29,502	28,569	28,867	29,204	29,431
Nợ thuần/(tiền mặt)	(1,242)	2,417	1,223	697	730

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	302	363	889	944	891
Khấu hao	(403)	(394)	(436)	(451)	(465)
Lãi vay thuần	386	304	274	237	237
Thuế TNDN đã nộp	(161)	(115)	(200)	(204)	(195)
Thay đổi vốn lưu động	1,269	188	(423)	427	(76.2)
Khác	(1,255)	(186)	(172)	(81.3)	(176)
LCT thuần từ HKKD	945	948	803	1,773	1,147
Đầu tư TS dài hạn	(241)	(85.5)	(491)	(482)	(511)
Góp vốn & đầu tư	(9,615)	(17,258)	1,876	0	0
Thanh lý	0.91	0.52	0	0	0
Khác	11,531	13,535	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,676	(3,808)	1,385	(482)	(511)
Cổ tức trả cho CSH	(2,755)	(801)	(783)	(783)	(783)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(707)	3,422	(2,212)	18.9	113
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(3,463)	2,621	(2,995)	(764)	(669)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,084	1,242	1,005	199	725
LCT thuần trong kỳ	(842)	(240)	(806)	527	(33.7)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.64)	3.18	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,242	1,005	199	725	692
Dòng tiền tự do	704	862	313	1,291	636

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	12.2	14.1	16.9	17.3	16.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.20	5.60	10.2	10.8	10.5
Tỷ suất LNT (%)	3.83	3.98	7.26	7.42	7.09
Thuế TNDN hiện hành (%)	23.3	17.2	17.2	17.2	17.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(27.2)	(0.54)	(3.97)	(0.53)	0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(89.7)	7.26	75.2	5.24	(2.75)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(90.7)	3.52	75.1	1.56	(4.42)
Tăng trưởng EPS (%)	(90.7)	3.52	75.1	1.56	(4.42)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(90.7)	3.52	75.1	1.56	(4.42)
Tăng trưởng DPS (%)	(71.4)	(25.0)	33.3	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	151	109	83.1	81.9	85.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	4.06	4.73	8.38	8.41	7.97
ROACE (%)	2.28	3.13	7.79	8.18	7.64
Vòng quay tài sản (lần)	0.88	0.90	0.84	0.90	0.89
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	3.13	2.61	0.90	1.88	1.29
Số ngày tồn kho	58.5	54.5	80.3	64.7	66.5
Số ngày phải thu	19.7	20.6	12.9	14.4	16.2
Số ngày phải trả	23.5	21.7	24.9	23.4	23.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(9.68)	23.6	11.9	7.41	7.74
Nợ/tài sản (%)	0.93	22.0	10.9	10.9	10.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.18	4.81	1.17	1.13	1.17
Chỉ số TT hiện thời (lần)	6.44	2.54	3.90	3.97	3.95
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.46	0.43	0.51	0.47	0.47
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.86	7.71	4.95	4.34	4.50
P/E (lần)	24.4	23.6	13.5	13.3	13.9
P/E ĐC (lần)	24.4	23.6	13.5	13.3	13.9
P/B (lần)	1.10	1.14	1.12	1.11	1.10
Lợi suất cổ tức (%)	6.16	4.62	6.16	6.16	6.16

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn